

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày 26- 6 - 2020

Vv: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Quang Sơn và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/ 6/ 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 57/2019/TLST-DS ngày 17/12/ 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 10/ 6 / 2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1974. Ông Ch vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 3, xã Thạch Th, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Phùng Sỹ Thành Ch, sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn Hòa Tr, xã Hòa Th, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1-Bà Trương Thị H, sinh năm 1973 (vợ ông Ch bị đơn); Trú tại: Xóm 1, thôn Hoà Tr, xã Hoà Th, huyện Q, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2-Bà Phan Thị H, sinh năm 1979 (vợ ông Ch nguyên đơn); Trú tại: Đội 3, xã Thạch Th, huyện Q, thành phố Hà Nội. Bà H vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Ch nguyên đơn là bà Phan Thị H là: Ông Nguyễn Hoài S, Luật sư Công ty luật TNHH Châu Á làm đại diện; Theo hợp đồng ủy quyền số: 667.2019/HĐUQ ngày 22/8/2019 - Ông S có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 29/8/2019 của ông Ch, lời khai tại phiên tòa của đại diện theo ủy quyền của ông Chung trình bày: Trong năm 2011 và 2012, anh Nguyễn Văn Ch có cho anh Phùng Sỹ Thành Ch vay số tiền cụ thể :

Lần 1: Ngày 29/12/2011 (AL), tức ngày 22/01/2012 vay số tiền 316.000.000 đồng; Thời hạn vay đến ngày 29/12/2012 ;

Lần 2: Ngày 29/4/2012 (AL), tức ngày 19/5/2012 vay số tiền 122.000.000 đồng. Thời hạn vay có thời hạn một ngày.

Về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng lãi suất theo ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ch và bà H chưa trả được nợ và lãi suất.

Do vậy anh Nguyễn Văn Ch khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Phùng Sỹ Thành Ch và bà Trương Thị H phải trả số tiền là 728.832.000 đồng. Trong đó: Gốc là 438.000.000 đồng và lãi là 290.832.000 đồng ($\text{lãi} = 438.000.000 \text{ đ} \times 0.83\% \times 80 \text{ tháng}$).

Về án phí: Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện cho người khởi kiện yêu rút toàn bộ lãi suất. Chỉ yêu cầu buộc bị đơn là ông Phùng Sỹ Thành Ch và bà Trương thị H trả số nợ gốc của hai hợp đồng vay là 438.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Phùng Sỹ Thành Ch và vợ là bà Trương Thị H trình bày: Năm 2011, ông Ch có vay ông Nguyễn Văn Ch ở Thạch Th, Q số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng); thời hạn trả nợ: 03 tháng; lãi suất: 3.000 đ/01 ngày/1 triệu; mục đích chăn nuôi. Sau khi nhận tiền do việc chăn nuôi thua lỗ nên không trả được gốc mà chỉ trả được số lãi là 28.000.000 đồng. Sau đó không trả gốc và lãi theo thỏa thuận thì vợ chồng ông Ch, bà H có vài lần vào nhà đòi tiền rồi tính lãi và yêu cầu ông Ch ký một hợp đồng vay tiền mới ($\text{lãi} + \text{gốc} = \text{giá trị khoản vay mới}$). Sau đó ông Ch và bà H yêu cầu ông Ch ký vào giấy nhận nợ số nợ gốc là 120.000.000 đồng và nhập lãi vào hai giấy nợ là: Ngày 29/12/2011 (AL) vay số tiền 316.000.000 đồng và vào ngày 29/4/2012 (AL) vay số tiền: 122.000.000 đồng. Tổng số nợ mới lên tới 438.000.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Văn Ch khởi kiện yêu cầu ông Ch và bà H trả nợ tổng số tiền là: Gốc là 438.000.000 đồng: Vợ chồng ông Phùng Sỹ Thành Ch chỉ chấp nhận trả số gốc cho ông Ch là 120.000.000 đồng và lãi 60.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 180.000.000 đồng.

Về án phí: Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy rằng sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt. Thẩm phán, Thư ký đã tổng đạt hợp lệ các văn bản cho các đương sự;

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả nợ gốc là 438.000.000 đồng theo quy định của pháp luật; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hợp đồng dân sự (vay tài sản) được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết nơi bị đơn cư trú là xã Hòa Th, huyện Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Về thời hiệu: Căn cứ hợp đồng vay tiền giữa các bên là có thời hạn, quá trình chuẩn bị xét xử và trước khi hội đồng xét xử ban hành bản án các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do đó căn cứ Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Ch và bà Hoa vợ ông Ch là người có quyền lợi liên quan vắng mặt có ủy quyền cho ông Sơn, ông Sơn có mặt và bị đơn ông Ch, bà H có mặt tại phiên tòa, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt những người trên là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là bà ông Ch và bà H phải trả số nợ gốc là 438.000.000 đồng.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Về hình thức hợp đồng vay tài sản các bên lập thành văn bản; Về nội dung hai bên tự nguyện thỏa thuận về khoản vay, nghĩa vụ của bên cho vay, bên vay tiền, thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn, không quy định lãi suất là phù hợp quy định tại Điều 463, 464, 465, 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu về khoản nợ gốc thì thấy: Do quen biết nên ông Chung và vợ có cho ông Phùng Sỹ Thành Ch và bà Trương Thị H vay tiền để làm ăn. Trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2012 (âm lịch) ông Ch và bà H có cho ông Phùng Sỹ Thành Ch và bà Trương Thị H vay 2 lần, cụ thể: Lần 1: Ngày 29/12/2011 (AL) vay số tiền 316.000.000 đồng và lần 2: vào ngày 29/4/2012 (AL) vay số tiền: 122.000.000 đồng. Tổng số tiền là 438.000.000 đồng. Quá trình điều tra, hòa giải và tại phiên tòa bị đơn cho rằng năm 2011 có vay của nguyên đơn số tiền vay chỉ là 120.000.000 đồng nhưng sau đó làm ăn thua lỗ không trả được nên vợ chồng nguyên đơn là ông Ch và bà H cộng lãi và gốc thành hai giấy nhận nợ trên và bắt bị đơn ký vào giấy nhận nợ nhưng bị đơn không đưa ra được căn cứ nào chứng minh việc vợ chồng nguyên đơn bắt bị đơn ký vào hai giấy nhận nợ ngày 29/12/2011 và ngày 29/4/2012 là do số nợ gốc và lãi cộng dồn.

Như vậy trong quá trình vay tiền thì mình ông Ch ký vào giấy vay tiền về để hai vợ chồng phục vụ chăn nuôi, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà Hiền cũng thừa nhận là vợ chồng có vay tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, Căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Buộc ông Ch và bà H phải liên đới trả toàn bộ số nợ gốc cho ông Nguyễn Văn Ch là: 438.000.000 đồng (*bốn trăm ba mươi tám triệu đồng*)

[4]Về án phí: Khoản 1, 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc ông Phùng Sỹ Thành Ch phải nộp án phí có giá ngạch là: 21.520.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Ch không phải chịu án phí. Trả lại ông Ch số tiền tạm ứng án phí là: 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Khoản 1, 2 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 149; 463; 464; 465; 466; Khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch.

Buộc ông Phùng Sỹ Thành Ch và bà Trương Thị H phải trả nợ ông Nguyễn Văn Ch tính đến hết ngày 26/6/2020 tổng số tiền nợ gốc là: 438.000.000 đồng (*bốn trăm ba mươi tám triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phùng Sỹ Thành Ch và bà Trương Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 21.520.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn Ch số tiền tạm ứng án phí là: 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số: 0010946 ngày 17/12/2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

3-Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Kiều Văn Thành